

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/02/2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân
gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lan Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Mạnh Khang
2. Ông Nguyễn Xuân Lưu

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Luyện** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Việt** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 283/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc: Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2021/QĐXX-ST ngày 30 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989;

Bị đơn: Anh Trần Anh D, sinh năm 1983;

Cùng hộ khẩu thường trú: Thôn 4 xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. (*Chị L có mặt, anh D vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn xin ly hôn ngày 14/7/2021 và lời khai trong toàn bộ quá trình giải quyết, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Anh D lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 31/01/2013 tại UBND xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Trước khi kết hôn anh chị đã có thời gian tìm hiểu và yêu nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ sống ở trong nội thành Hà Nội, thuê nhà ở nhiều nơi khác

nhau không cố định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp, vợ chồng không hiểu tính cách của nhau dẫn đến cuộc sống thường xuyên xảy ra va chạm, cãi cọ. Tháng 8 năm 2018, vợ chồng về sống tại thôn 4 Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội là nhà anh D được một thời gian ngắn nhưng thường xuyên cãi vã nhau. Chị không chịu được cuộc sống như vậy nên đã thuê nhà ở riêng và làm đơn xin ly hôn lần đầu. Tòa án huyện Hoài Đức đã phân tích hòa giải nên chị đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Sau khi rút đơn về vợ chồng tiếp tục chung sống tại thôn 4 Lại Yên, được 02 tuần đầu vợ chồng hòa thuận, sau đó lại phát sinh mâu thuẫn, tiếp tục cãi vã nhau như trước. Vì vậy, chị chuyển ra thuê nhà ở riêng tại Hà Nội, bản thân anh D cũng chủ động mang đồ đạc cá nhân của chị chuyển về nhà thuê trả cho chị. Thời gian đó anh D vẫn qua lại với chị, tuy không sống chung một nhà với nhau nhưng vợ chồng vẫn phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi cọ, anh D không có trách nhiệm với chị và con, không chu cấp để chị nuôi con, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Do vậy, mà đến năm 2019 chị lại nộp đơn xin ly hôn ra Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức. Tòa án đã giải quyết, làm đầy đủ các thủ tục, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử thì anh D lại tha thiết mong vợ chồng đoàn tụ và đã thuyết phục chị, đưa ra những hướng giải quyết cho cuộc sống vợ chồng, hứa chu cấp tiền để chị nuôi con. Bản thân chị không muốn vợ chồng tan vỡ làm cho con cái phải khổ nên chị cũng đồng ý theo phương án của anh D, hy vọng cuộc sống vợ chồng được cải thiện nên chị đã rút đơn về. Tuy nhiên, sau đó anh D không thực hiện lời hứa, vợ chồng vẫn sống mỗi người một nơi, anh D cũng không có ý định đưa chị về sống chung cùng một nhà, còn tiền cấp dưỡng nuôi con, anh D cấp dưỡng 02 tháng đầu là 01 triệu đồng/tháng, sau đó là không chu cấp nữa. Cho đến thời điểm này vợ chồng vẫn sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, không chia sẻ và cũng không tìm cách hàn gắn mâu thuẫn. Do vậy, chị xác định mâu thuẫn của vợ chồng là không thể khắc phục được, chị không còn tình cảm với anh D nữa, vợ chồng kết hôn đến nay gần 09 năm nhưng hạnh phúc chỉ 01 năm, còn lại là mâu thuẫn, cãi cọ, nên chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân vô cùng mệt mỏi, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh D. Bản thân anh D cũng không mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhưng vẫn không lên Tòa, chị đề nghị giải quyết sớm để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là Trần Thu Ng, sinh ngày 15/5/2016, hiện nay cháu Ng đang ở với chị. Từ khi chị sinh cháu Ng, chị đã được bố mẹ hỗ trợ rất nhiều trong việc chăm sóc cháu. Để cuộc sống của cháu được ổn định, chị đã đưa cháu về nhà của bố mẹ chị là ông Nguyễn Xuân S và bà Trần Thị N tại thôn Tam Đô, xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, Hưng Yên

để sống, chị làm ở Hà Nội nhưng thường xuyên đi về để chăm sóc con. Hiện nay sức khỏe của cháu tốt, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, học tốt. Hiện chị đang làm nhân viên kinh doanh tại Công ty TNHH Thời trang Ngọc Thành, thu nhập 7.500.000 đồng/tháng, ngoài ra, chị còn làm ngoài kinh doanh thêm thu nhập khoảng 08 triệu đồng/tháng. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh D được nuôi con thì chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại Bản ghi ý kiến ngày 28/10/2021 (gửi qua đường bưu điện, Tòa án nhân ngày 30/11/2021), bị đơn – anh Trần Anh D trình bày:

Về con chung, anh xin được nhận nuôi cháu Thu Ng mà không cần bất kỳ một sự trợ cấp nào từ chị Nguyễn Thị L. Nguyên do:

Nơi cháu Thu Ng hiện đang sống và sẽ tiếp tục sống nếu bố mẹ ly dị: Tam Đô, Hoàng Hoa Thám, Ân Thi là một vùng quê nghèo, thuần nông, dân trí thấp, sẽ không có đủ các điều kiện cần thiết như kỳ vọng của bố cháu. Công việc của chị L hiện tại và lâu dài là bán hàng quần áo, thu nhập chỉ đủ thuê một phòng trọ và một ít tiền gửi về quê, không đủ điều kiện về vật chất để đảm bảo cho tương lai cháu Ng. Chị L còn trẻ, sẽ sớm đi bước nữa, cháu Ng còn nhỏ, lại là phận nữ nhi, anh không muốn để cháu đi theo chị L về nhà bố dượng, sẽ rất thiệt thòi, khổ đau cho sự phát triển của cháu sau này. Anh là người có học vấn cao, có công việc thu nhập tốt, có nhà, có đất ở thành phố, có cổ phần ở nhiều Công ty. Cháu ở với anh, giả dụ sau này anh có đi bước nữa thì cháu vẫn được ở nhà của bố cháu, sống cùng bố cháu và xung quanh là ông bà nội, các cô dì chú bác ruột thịt, các anh em của cháu, nên về mặt nhận thức, về mặt vật chất, tinh thần và tình cảm cháu được ở với anh sẽ tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của cháu sau này. Điều kiện về quyền được nuôi con là điều kiện tiên quyết cho tất cả các yêu cầu còn lại của vụ án này.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyện vọng xin ly hôn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D vì vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể khắc phục được. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, công nợ, chị vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn không chấp hành các thông báo, quyết định của Tòa án là vi phạm các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa vắng mặt lần hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh D là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L. Về con chung, đề nghị giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nhà ở chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về công nợ, chị L xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không xét. Về án phí, chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Tại Đơn xin ly hôn thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại thôn 4, xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, Hà Nội, vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Trần Anh D theo quy định pháp luật nhưng anh D vẫn vắng mặt lần hai không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Anh D lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 30/01/2013 tại UBND xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình Tòa án giải quyết, chị L kiên quyết xin ly hôn vì cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không thành. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo cho anh D giao nộp các tài liệu chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và

triệu tập nhiều lần nhưng anh D không đến Tòa và không có lời khai về vấn đề hôn nhân. Như vậy, anh D đã tự mình tước bỏ quyền được trình bày và quyền giao nộp các tài liệu chứng cứ của mình. Do đó, Tòa án cũng không có cơ sở để xem xét ý kiến của anh D. Ngoài ra, việc anh D không đến tham gia hòa giải và chị L yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa không tiến hành hòa giải được.

Xét, chị L, anh D kết hôn năm 2013, từ năm 2018 vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Trong thời kỳ hôn nhân, chị L hai lần làm đơn xin ly hôn là vào năm 2018 và năm 2020 tại TAND huyện Hoài Đức. Tòa án đã hòa giải và phân tích nên cả hai lần chị L đều rút đơn với mong muốn vợ chồng khắc phục mâu thuẫn, đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, sau cả hai lần rút đơn về, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thay đổi, vợ chồng vẫn sống mỗi người một nơi, vẫn tiếp tục cãi vã, bất đồng. Do không thể chấp nhận được cuộc sống chung như vậy nên chị L lại nộp đơn xin ly hôn. Theo tài liệu do Tòa án thu thập tại địa phương nơi anh D sinh sống thể hiện: Khoảng đầu năm 2018, anh D và chị L về sinh sống tại thôn 4, xã Lại Yên một thời gian, sau đó do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị L đi khỏi nhà từ đó đến nay, còn anh D vẫn ở một mình. Như vậy, mặc dù anh D không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị nhưng lời khai của chị L về mâu thuẫn vợ chồng là phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập và các tài liệu khác do chị L xuất trình.

Như vậy, mặc dù đã có thời gian dài để khắc phục mâu thuẫn nhưng mối quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh D vẫn không được cải thiện, hai bên không tìm được hướng giải quyết những bất đồng của cuộc sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, tình trạng hôn nhân căng thẳng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, chị L yêu cầu xin ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị L và anh D có một con chung là Trần Thu Ng, sinh ngày 15/05/2016. Hiện chị L đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ng. Hai mẹ con chị L hiện đang sống cùng bố mẹ đẻ chị L ở thôn Tam Đô, xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, Hưng Yên, sức khỏe của cháu bình thường.

Chị L và anh D đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Nếu được nuôi con thì cả hai anh chị đều không yêu cầu bên kia đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị L đang làm nhân viên tại Công ty TNHH Thời trang Ngọc Thành, thu nhập bình quân 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng. Ngoài ra, chị còn có thu nhập thêm là khoảng 8.000.000 (Tám triệu) đồng/tháng.

Tại Bản ghi ý kiến ngày 28/10/2021 anh D trình bày về khả năng và điều kiện nuôi con của mình. Tuy nhiên, anh không xuất trình tài liệu nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Tòa án đã ra Thông báo về việc giao nộp chứng cứ, yêu cầu anh giao nộp các tài liệu để chứng minh cho điều kiện nuôi con của anh nhưng anh D không nộp bất kỳ tài liệu nào nên Tòa án không có cơ sở để xem xét.

Cháu Ng hiện đang ở với chị L, cùng với sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ chị L là ông Nguyễn Xuân S và bà Trần Thị N. UBND xã Hoàng Hoa Thám đã xác nhận gia đình ông S không thuộc hiện hộ nghèo, cận nghèo. Ông S cũng có đơn tha thiết đề nghị Tòa án giao con cho chị L nuôi dưỡng để bảo đảm sự ổn định cho cháu.

Xét, việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng khi ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Chị L đã xuất trình các tài liệu về thu nhập của mình và xác nhận về việc nuôi dưỡng con chung của chị hiện nay. Cháu Ng còn nhỏ, lại là nữ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Ngoài ra, hiện nay cháu Ng đang sống cùng chị L, cuộc sống sinh hoạt ổn định, cháu phát triển tốt. Do vậy, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị L không yêu cầu anh D đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Sự tự nguyện của chị L phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Anh D không có ý kiến và không yêu cầu về tài sản chung của vợ chồng nên Tòa án không xét, anh D có quyền khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng khi có yêu cầu.

2.4. Về công nợ: Chị L xác nhận vợ chồng không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Ngoài ra, chị không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác nên Hội đồng xét xử không xét.

2.5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị L, anh D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 72; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 220; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Trần Anh D. Chị L được ly hôn anh D.

2. Về con chung: Chị L và anh D xác nhận có một con chung là Trần Thu Ng, sinh ngày 15/05/2016.

Giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung kể từ tháng 02 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh D kể từ tháng 02 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị L, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về công nợ: Chị L xác nhận vợ chồng không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0015265 ngày 20/10/2021 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Nguyễn Thị L, vắng mặt anh Trần Anh D. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND h.Hoài Đức;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS h.Hoài Đức;
- UBND x.Lại Yên, h.Hoài Đức,
Hà Nội. (Giấy chứng nhận kết hôn
số 06/2013, quyển số 01/2013
ngày 31/01/2013).
- Lưu HS, VP.

Phạm Thị Lan Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

